

NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM - MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

NGUYỄN DUY QUÝ*

1. Về phương diện lý luận, nhà nước pháp quyền không phải là một kiểu nhà nước. Nhà nước pháp quyền là giá trị phổ biến, là biểu hiện của một trình độ phát triển dân chủ

Trong ý nghĩa này, nhà nước pháp quyền được nhìn nhận như một cách thức tổ chức nền dân chủ, cách thức tổ chức nhà nước và xã hội trên nền tảng dân chủ. Điều này có nghĩa là nhà nước pháp quyền gắn liền với một nền dân chủ. Tuy không phải là một kiểu nhà nước được xác định theo lý luận về hình thái kinh tế - xã hội, nhưng nhà nước pháp quyền không thể xuất hiện trong một xã hội phi dân chủ.

Sự phủ nhận quan điểm xem nhà nước pháp quyền như một kiểu nhà nước có ý nghĩa nhận thức luận quan trọng trong việc nhìn nhận đúng bản chất của nhà nước pháp quyền. ý nghĩa nhận thức luận này bao hàm các khía cạnh sau:

- Chỉ từ khi xuất hiện dân chủ tư sản, mới có cơ hội và điều kiện để xuất hiện nhà nước pháp quyền. Do vậy, trên thực tế, nhà nước pháp quyền tư sản đang được tuyên bố xây dựng ở hầu hết các quốc gia tư bản phát triển và đang phát triển.

- Nhà nước pháp quyền, với tính chất là cách thức tổ chức và vận hành của một chế độ nhà nước và xã hội, không những được xây dựng ở chế độ tư bản mà còn được xây dựng ở chế độ xã hội chủ nghĩa. Như vậy, trong nhận thức lý

* GS. VS. Viện Khoa học Xã hội Việt Nam.

luận cũng như trong thực tiễn, có nhà nước pháp quyền tư sản và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

- Ngoài các giá trị phổ biến, nhà nước pháp quyền còn bao hàm các giá trị đặc thù. Tính đặc thù của nhà nước pháp quyền được xác định bởi nhiều yếu tố. Các yếu tố này, về thực chất, là rất đa dạng, phong phú và phức tạp, được xác định bởi các điều kiện lịch sử, kinh tế, văn hóa, tâm lý xã hội và môi trường địa lý của mỗi dân tộc. Chúng không chỉ tạo ra các đặc sắc, tính riêng biệt của mỗi dân tộc trong quá trình dựng nước, giữ nước và phát triển mà còn quyết định mức độ tiếp thu và dung nạp các giá trị phổ biến của nhà nước pháp quyền. Việc thừa nhận tính đặc thù của nhà nước pháp quyền có ý nghĩa nhận thức luận quan trọng. Với ý nghĩa này, nhà nước pháp quyền là một phạm trù vừa mang tính phổ biến, vừa mang tính đặc thù; vừa là giá trị chung của nhân loại, vừa là giá trị riêng của mỗi dân tộc, quốc gia. Do vậy, không thể có một nhà nước pháp quyền như một mô hình chung, thống nhất cho mọi quốc gia, dân tộc. Mỗi quốc gia, dân tộc, tùy thuộc vào các đặc điểm lịch sử, chính trị, kinh tế - xã hội và trình độ phát triển mà xây dựng cho mình một mô hình nhà nước pháp quyền thích hợp.

2. Đối với Việt Nam, vấn đề xây dựng nhà nước pháp quyền đang được đặt ra như một tất yếu lịch sử và tất yếu khách quan

Tính tất yếu lịch sử của việc xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam bắt nguồn từ chính lịch sử xây dựng và phát triển của Nhà nước ta. Ngay từ khi thành lập và trong quá trình phát triển, Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đã và luôn là một nhà nước hợp hiến, hợp pháp. Nhà nước được tổ chức và hoạt động trên cơ sở các quy định của Hiến pháp và pháp luật và luôn vận hành trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật. Các đạo luật tổ chức Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân và các đạo luật về chính quyền địa phương được xây dựng trên cơ sở các Hiến pháp năm 1946, năm 1959, năm 1980 và năm 1992. Những lần Hiến pháp được sửa đổi và thông qua là những bước củng cố cơ sở pháp luật cho tổ chức và hoạt động của bản thân các cơ quan nhà nước. Vì vậy, có thể nói, quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam là một quá trình lịch sử được bắt đầu ngay từ Tuyên ngôn độc lập năm 1945 và Hiến pháp năm 1946. Quá trình này đã trải qua hơn nửa thế kỷ với nhiều giai đoạn phát triển đặc thù. Ngày nay, quá trình này đang được tiếp tục ở một tầng cao phát triển mới với nhiều đòi hỏi và nhu cầu cải cách mới.

Tính tất yếu khách quan của việc xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam xuất phát từ định hướng xã hội chủ nghĩa mà mục tiêu cơ bản là xây dựng một chế độ xã hội dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Chúng ta ý thức sâu sắc rằng, để xây dựng được một chế độ xã hội có tính mục tiêu như vậy, công cụ, phương tiện cơ bản chỉ có thể là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và một nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Tính tất yếu khách quan ấy còn xuất phát từ đặc điểm của thời đại với xu thế toàn cầu hóa. Nhu cầu hội nhập kinh tế quốc tế đòi hỏi chúng ta phải tiếp tục đẩy mạnh cải cách nhà nước, cải cách pháp luật, bảo đảm cho Nhà nước không ngừng vững mạnh, có hiệu lực để giải quyết có hiệu quả các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, thực hành dân chủ, củng cố độc lập, tự chủ và hội nhập vững chắc vào đời sống quốc tế.

3. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân ở nước ta là một nhà nước vừa phải thể hiện được các giá trị phổ biến của nhà nước pháp quyền đã được xác định trong lý luận và thực tiễn của một chế độ dân chủ hiện đại, vừa phải khẳng định được bản sắc, đặc điểm của riêng mình

Sự khác nhau cơ bản giữa nhà nước pháp quyền tư sản và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa nói chung, trong đó có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam nói riêng, đã được các đề tài của Chương trình KX.04 khái quát trên những nét chính sau:

Một là, cơ sở kinh tế của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Tính định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường không phủ nhận các quy luật khách quan của thị trường, mà là cơ sở để xác định sự khác nhau giữa kinh tế thị trường trong chủ nghĩa tư bản và kinh tế thị trường trong chủ nghĩa xã hội. Do vậy, đặc tính của nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa tạo ra sự khác nhau giữa nhà nước pháp quyền tư sản và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đồng thời tạo ra nét đặc trưng của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Hai là, cơ sở chính trị của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là chế độ dân chủ nhất nguyên. Chế độ dân chủ nhất nguyên là điều kiện cơ bản để tạo ra một đời sống dân chủ có tính thống nhất cao, một hệ thống chính trị thống nhất và là một đòi hỏi có tính nội tại của chế độ nhà nước và chế độ xã hội trong các

điều kiện xây dựng chủ nghĩa xã hội. Do vậy, sự nhất nguyên chính trị phải luôn là thuộc tính của nhà nước xã hội chủ nghĩa - một nhà nước đòi hỏi tính thống nhất và tính tổ chức cao trong tổ chức cũng như trong hoạt động của mọi cấu trúc nhà nước để có thể đạt được các mục tiêu của chủ nghĩa xã hội.

Tính nhất nguyên chính trị được thể hiện trong việc khẳng định vai trò lãnh đạo của một đảng duy nhất cầm quyền ở Việt Nam. Bản chất của một nền dân chủ không lệ thuộc vào chế độ đa đảng hay chế độ một đảng, mà lệ thuộc vào chỗ đảng cầm quyền đại diện cho lợi ích của ai, sử dụng quyền lực nhà nước vào những mục đích gì trên thực tế. Vì vậy, điều kiện để xây dựng nhà nước pháp quyền không thể là chế độ đa đảng hay chế độ một đảng và không thể coi đó là căn cứ để đánh giá tính chất và trình độ của một nền dân chủ. Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản - đảng duy nhất cầm quyền đối với đời sống xã hội và đời sống nhà nước không những không trái với bản chất nhà nước pháp quyền nói chung mà còn là điều kiện có ý nghĩa tiên quyết đối với quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân ở nước ta.

Ba là, cơ sở xã hội của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Với khối đại đoàn kết toàn dân tộc, nhà nước pháp quyền có được cơ sở xã hội rộng lớn và khả năng to lớn trong việc tập hợp, tổ chức các tầng lớp nhân dân thực hành và phát huy dân chủ.

Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tuy không loại bỏ được sự phân tầng xã hội theo hướng phân hóa giàu, nghèo nhưng có khả năng xử lý tốt hơn mối quan hệ giữa tầng trưởng kinh tế và công bằng xã hội. Những mâu thuẫn xã hội phát sinh trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường do được điều tiết thông qua pháp luật, chính sách và các công cụ khác của nhà nước nên ít có nguy cơ trở thành các mâu thuẫn đối kháng và tạo ra các xung đột có tính chất chia rẽ xã hội. Đây là một trong những điều kiện để bảo đảm ổn định chính trị, đoàn kết các lực lượng xã hội vì các mục tiêu chung của sự phát triển.

Tính nhất nguyên chính trị và sự lãnh đạo của một đảng duy nhất cầm quyền tạo ra khả năng đồng thuận xã hội, tăng cường khả năng hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau giữa các giai tầng, các cộng đồng dân cư và các dân tộc. Nhờ vậy, nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa có được sự ủng hộ rộng rãi từ phía xã hội, nguồn sức mạnh từ sự đoàn kết toàn dân, phát huy được sức sáng tạo của các tầng lớp dân cư trong việc thực hành và phát huy dân chủ.

4. Một số vấn đề về xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật của nước ta hiện nay

Để xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân ở nước ta hiện nay, một trong những nhiệm vụ quan trọng, cấp thiết là chúng ta phải sớm xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

Nhu cầu đổi mới tư duy pháp lý đã được đặt ra và quán triệt trong giai đoạn đấu tranh loại bỏ cơ chế pháp lý của nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung bao cấp, xây dựng cơ chế pháp lý cho cơ chế kinh tế mới. Ngày nay, một lần nữa nhu cầu đổi mới tư duy pháp lý lại được đặt ra với tính cấp thiết mạnh mẽ, kiên quyết, vượt ra khỏi khuôn khổ có tính truyền thống lâu nay trong việc xây dựng pháp luật và thi hành pháp luật. Tư duy pháp lý mới có thể được phác thảo trên những nét chính sau:

1. Xác định và quán triệt cơ sở lý thuyết cho mô hình luật pháp nước ta trong giai đoạn phát triển đến 2010 và các giai đoạn tiếp theo. Điều này có nghĩa là chúng ta cần nhanh chóng xác định mô hình luật pháp nước ta được xây dựng theo lý thuyết nào. Dĩ nhiên, chúng ta không thể áp dụng một cách máy móc các mô hình lý thuyết hiện đang được áp dụng ở các quốc gia trên thế giới. Nhưng chúng ta cũng không thể không tính đến sự ảnh hưởng và chi phối của các lý thuyết này đối với sự vận động của đời sống pháp luật hiện đại. Vì vậy, việc nghiên cứu xây dựng các cơ sở lý thuyết cho mô hình luật pháp nước ta cần đặt trong mối quan hệ giữa hai yếu tố: dân tộc và hiện đại.

Cần có các nghiên cứu tổng kết kinh nghiệm lịch sử của các thế hệ người Việt Nam trong tiến trình xây dựng và thực thi các thể chế pháp lý. Các kinh nghiệm làm luật và thi hành luật trong các giai đoạn lịch sử cho thấy, các thế hệ người Việt Nam khá thành công trong việc tiếp thu các giá trị pháp lý nước ngoài, làm nên một bản sắc pháp lý Việt Nam. Xin hãy lấy Quốc triều hình luật thời Lê (Bộ Luật Hồng Đức) để suy ngẫm: Bộ Luật Hồng Đức, theo đánh giá của sử gia Phan Huy Chú, "Thật là cái mẫu mực để trị nước, các khuôn phép để buộc dân". Điều cần nhấn mạnh là, mặc dù chịu ảnh hưởng của tư tưởng pháp lý và các quy tắc pháp luật của Trung Hoa thời phong kiến, nhưng Bộ Luật Hồng Đức vẫn là bộ luật của người Việt Nam, là sản phẩm văn hóa của người Việt Nam, chứ không phải là sự sao chép máy móc pháp luật của nhà Đường hay nhà Minh.

Trong lịch sử, dân tộc ta đã rất thông minh và chủ động trong việc tiếp thu pháp luật nước ngoài để cách tân đất nước. Ngày nay, chúng ta cũng cần tiếp thu có chọn lọc các giá trị pháp luật nước ngoài một cách chủ động và thông minh để tiếp tục củng cố và phát triển đất nước. Tuy nhiên, việc tiếp thu các giá trị và kinh nghiệm pháp luật nước ngoài cần tuân theo ba điều kiện cơ bản: Thứ nhất, tư tưởng của pháp luật du nhập phải tương đồng với ý thức pháp lý đang thống trị ở nước tiếp nhận. Thứ hai, pháp luật du nhập phải tương đồng với cấu trúc, hình thái và phương thức tổ chức quyền lực nhà nước tại quốc gia sở tại. Thứ ba, pháp luật du nhập phải phù hợp với phương thức sản xuất xã hội, phải được số đông thành viên trong xã hội chấp nhận và ủng hộ.

2. Nhu cầu hội nhập kinh tế quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa, bảo đảm sự tương thích của pháp luật quốc gia với các không gian pháp lý có tính quốc tế đang đòi hỏi chúng ta phải đẩy mạnh việc đổi mới công tác lập pháp. Việc đổi mới công tác lập pháp có thể khái quát trên một số nét sau:

Một là, đổi mới công tác kế hoạch lập pháp: Kế hoạch làm luật nếu chỉ được tiến hành trên cơ sở đề xuất của các cơ quan hữu quan để tập hợp, cân đối và thông qua sẽ không thể khắc phục được tình trạng không hoàn thành kế hoạch, vì không ít dự án luật được đăng ký theo kiểu "giữ chỗ" và trên thực tế, rất khó xây dựng do chưa xác định được đầy đủ tính chất, mục tiêu, đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh. Sự đăng ký văn bản theo kiểu "ghi danh" đã không ràng buộc một cách chặt chẽ trách nhiệm của cơ quan đề xuất dự luật. Để khắc phục tình trạng này, nên chăng, thay vì xây dựng và thông qua kế hoạch làm luật hằng năm và 5 năm thường lệ, Quốc hội chỉ cần thông qua các sáng kiến pháp luật. Cá nhân, cơ quan (theo quy định của pháp luật) nêu sáng kiến pháp luật có trách nhiệm lập luận các căn cứ về sự cần thiết của mục tiêu, đối tượng cần điều chỉnh và tính khả thi của công tác xây dựng văn bản; trên cơ sở đó, Quốc hội thảo luận, thông qua và giao trách nhiệm xây dựng dự thảo cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân phù hợp.

Hai là, thay đổi quan niệm về quy mô các đạo luật: Thực tiễn làm luật ở nước ta thời gian qua cho thấy, các đạo luật được xây dựng và thông qua phần nhiều đều có dung lượng khá lớn các quy phạm và đối tượng điều chỉnh; phạm vi điều chỉnh cũng khá lớn. Chính sự đầu tư "nhân, tài, vật, lực" cho các đạo luật có quy mô lớn đã làm cho công việc soạn thảo các dự thảo văn bản bị kéo dài, tính chất đồng bộ và thống nhất của dự thảo trong mối quan hệ với các đạo

luật khác nhiều khi không được bảo đảm. Đặc biệt, các đạo luật lớn vì phức tạp nên thường phải tranh luận, thảo luận nhiều thời gian mới mong đạt được sự thống nhất các quan điểm và cách thức thể hiện. Do vậy, việc chuẩn bị xây dựng dự thảo tại các ban soạn thảo, thẩm định, thảo luận, chỉnh lý và thông qua tại Quốc hội thường kéo dài. Khoảng cách giữa nhu cầu cấp bách phải điều chỉnh và khả năng điều chỉnh của đạo luật ngày càng xa đã dẫn đến tình trạng, đợi được luật ra đời, cuộc sống đã biến chuyển sang một mức độ phát triển khác. Để khắc phục tình trạng này, thay vì xây dựng và thông qua các đạo luật có quy mô lớn, nên tập trung xây dựng và thông qua các đạo luật có quy mô điều chỉnh hẹp. Một đạo luật với ít các điều khoản sẽ được nhanh chóng xây dựng, đáp ứng kịp thời các nhu cầu điều chỉnh pháp luật, dễ dàng tương thích với các không gian pháp lý quốc tế. Tính hữu ích của một đạo luật ít điều khoản không chỉ thể hiện ở sự gọn nhẹ về nội dung, dễ xây dựng, mà còn thể hiện ở việc dễ kiểm soát tính đồng bộ và thống nhất, dễ sửa đổi khi có nhu cầu và dễ áp dụng trên thực tế.

Ba là, đổi mới cách thức và quy trình thông qua luật: Phong cách làm luật lâu nay của cơ quan lập pháp thể hiện ở các hoạt động thảo luận của các đại biểu Quốc hội, thẩm định của các ủy ban của Quốc hội, giải trình tiếp thu của cơ quan soạn thảo, đã rất khó nâng cao được chất lượng và hiệu quả của đạo luật. Sự thảo luận chủ yếu ở dạng câu chữ đã chiếm khá nhiều thời gian, trong khi nội dung dự thảo lại ít được chú ý. Do vậy, ý kiến thảo luận của đại biểu Quốc hội đối với các dự thảo chất lượng chưa cao. Để khắc phục tình trạng này, trước khi dự thảo luật được đưa ra thảo luận tại Quốc hội, cần tiến hành thẩm định về mặt khoa học bởi các nhóm chuyên gia từ các viện nghiên cứu, các trường đại học với nhiệm vụ đánh giá về phương diện khoa học toàn bộ dự án luật, từ hình thức biểu đạt, cấu trúc đến nội dung các điều luật, nhằm phát hiện ra các lỗi cả về kỹ thuật văn bản, lẫn nội dung văn bản. Sự thẩm định khoa học về dự thảo văn bản do các nhóm chuyên gia thực hiện một cách độc lập vừa là cơ sở để ban soạn thảo chỉnh lý văn bản, vừa là tài liệu tham khảo cho các đại biểu Quốc hội khi thảo luận dự thảo. Mặt khác, để nâng cao chất lượng các đạo luật, quy trình thông qua dự thảo cần được tiến hành theo hai bước: thảo luận, thông qua tại một ủy ban tương ứng của Quốc hội và thảo luận, thông qua tại phiên họp toàn thể của Quốc hội. Như vậy, chỉ khi nào dự thảo được thông qua tại một ủy ban của Quốc hội thì mới được xem xét, thảo luận, thông qua tại Quốc hội. Quy định như vậy không chỉ nêu cao vai trò làm luật của các ủy ban

của Quốc hội, mà còn tiết kiệm thời gian làm việc của Quốc hội, nâng cao hiệu quả của đạo luật.

Bốn là, tăng cường lắng nghe ý kiến nhân dân đóng góp xây dựng các dự thảo luật: Các dự thảo luật một khi được xây dựng ngắn gọn, ít điều khoản sẽ rất dễ dàng cho nhân dân tiếp cận. Sự tham gia đóng góp ý kiến xây dựng pháp luật của đông đảo các tầng lớp nhân dân là điều kiện quan trọng để pháp luật phản ánh đúng ý chí, nguyện vọng của nhân dân, bảo đảm cho pháp luật thật sự là của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Cần quy định, việc lấy ý kiến của nhân dân (chứ không chỉ là lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức hay của một số cán bộ) đối với các dự án luật là điều kiện bắt buộc trong quá trình xây dựng dự thảo. Đặc biệt, việc tiếp thu ý kiến của nhân dân vào các dự thảo (tiếp thu ý kiến nào, không tiếp thu ý kiến nào, vì sao) phải được thông báo công khai và minh bạch. Có như vậy, nhân dân mới cảm thấy ý kiến của mình được tôn trọng và mặt khác, mới củng cố niềm tin của họ vào luật pháp(**).

Chú thích

** Bài đã đăng trên *Tạp chí Cộng sản*, số 23/2005.